

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2023

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Bà Lê Thị Hường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương –Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐHNGĐ-ST ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị M**– sinh năm:1988 (có mặt)

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, NINH THUẬN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Vĩnh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND thị trấn P, huyện N. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng cha mẹ ông T được 01 năm thì vợ chồng ra sống riêng cũng ở tại Khu phố x, thị trấn P. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra cãi vã, ông T không lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Từ cuối năm 2022 cho đến nay bà và ông T đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T. Bà và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Trịnh Bảo C–sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Trịnh Minh Q–sinh ngày 10/11/2018, trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, các con sống cùng với bà, ông T không quan tâm đến con và cũng không chu cấp tiền nuôi con. Khi ly hôn, bà

yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T: Vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ cho đến phiên tòa xét xử hôm nay nên không có lời trình bày.

Chính quyền địa phương khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN-nơi ông T và bà M có hộ khẩu thường trú xác nhận: Quá trình ông T, bà M chung sống hay xảy ra cãi vã, vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Ông T hiện không có mặt tại địa phương, nhưng thỉnh thoảng ông T có về nhà cha mẹ ông T tại khu phố x-P ở được 3-4 ngày rồi lại đi tiếp.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã thực hiện tổng đạt thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Trịnh Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T. Về con chung có 02 người con nên giao cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà M không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Về án phí bà M phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trịnh Thị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Vĩnh T, yêu cầu được nuôi dưỡng các con. Đơn kiện đảm bảo về nội dung, hình thức. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện N. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS, HĐXX xác định đây là vụ án Dân sự loại Hôn nhân gia đình về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án, tiến hành phiên hòa giải, đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trịnh Thị M và ông Nguyễn Vĩnh T tự nguyện chung sống với nhau, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 288/2012, quyển số 01, ngày 27/11/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, không quan tâm nhau.

Xét thấy hôn nhân của giữa bà M và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[3] *Về con chung*: Bà M và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Trịnh Bảo C–sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Trịnh Minh Q–sinh ngày 10/11/2018. Hiện các con đang sống cùng với bà M. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử ông T vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của bà M, từ khi vợ chồng sống ly thân chính bà M là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con.

Xét thấy, hiện các con đang sống cùng với bà M và bà M chăm sóc con tốt, ông T không quan tâm đến con và cũng không chu cấp tiền nuôi con. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận giao các con cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Căn cứ vào những phân tích trên, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bà M phải chịu án phí 300.000^d theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.*Về hôn nhân*: Bà Trịnh Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

2.*Về con chung*: Bà Trịnh Thị M có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Trịnh Bảo C–sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Trịnh Minh Q–sinh ngày 10/11/2018. Ông Nguyễn Vĩnh T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.*Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trịnh Thị M phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002967 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh NINH THUẬN. Bà Trịnh Thị M đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NINH THUẬN;
- VKSND tỉnh NINH THUẬN;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P-N;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Xuân Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N TỈNH
NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 28 tháng 7 năm 2023,

Tại phòng nghị án của Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử sơ thẩm sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Xuân Thủy.

-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐHNGĐ-ST ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị M** – sinh năm: 1988 (có mặt)

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và quyết định 3/3 vấn đề như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về nội dung:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.*Về hôn nhân:* Bà Trịnh Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

2. *Về con chung*: Bà Trịnh Thị M có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Nguyễn Trịnh Bảo C–sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Trịnh Minh Q–sinh ngày 10/11/2018. Ông Nguyễn Vĩnh T không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Trịnh Thị M phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002967 ngày 22/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh NINH THUẬN. Bà Trịnh Thị M đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn-quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Minh

Lê Thị Hương

Dương Thị Xuân Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N TỈNH
NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 14/7/2023, tại phòng nghị án của Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, Hội đồng xét xử sơ thẩm sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Xuân Thủy.

-*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hương.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị M** – sinh năm: 1988 (có mặt)

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

Xét thấy: Bị đơn vắng mặt không có lý do.

HĐXX thảo luận, biểu quyết và quyết định 3/3 vấn đề của vụ án như sau:

Căn cứ vào khoản 1 điều 227, điều 233 của Bộ luật tố tụng dân.

Quyết định hoãn phiên tòa vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023.

Thời gian và địa điểm mở lại phiên tòa được ấn định xét xử lại vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 28/7/2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện N, NINH THUẬN.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Minh

Lê Thị Hường

Dương Thị Xuân Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
PHIÊN TÒA HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Vào hồi giờ phút, 28 tháng 7 năm 2023

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN

Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐHNGĐ-ST ngày 14/7/2023.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

-Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị M**– sinh năm:1988 (có mặt)

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

II. Những người tiến hành tố tụng:

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Bà Lê Thị Hường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Thị Ngọc Hương–Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa

Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử (HĐXX) về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. CTPT hỏi ý kiến của Kiểm sát viên và nguyên đơn về sự vắng mặt của bị đơn? Kiểm sát viên cho rằng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án. Nguyên đơn không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn. HĐXX thảo luận tại chỗ và quyết định vụ án được tiếp tục xét xử.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng. Chủ tọa phiên tòa hỏi nguyên đơn có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa không? nguyên đơn trả lời không thay đổi những người tiến hành tố tụng.

CTPT hỏi Kiểm sát viên có bổ sung gì thêm ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa không? Kiểm sát viên không bổ sung gì thêm.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa

1. Trình bày của đương sự:

CTPT đề nghị nguyên đơn trình bày nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về những vấn đề gì.

Bà Trịnh Thị M trình bày: Tôi và ông Nguyễn Vĩnh T là vợ chồng, nhưng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống đang ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:

CTPT hỏi bà Nguyễn Thị Bích Chi -nguyên đơn

Hỏi: Tại phiên tòa ngày hôm nay bà có thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình không?

Đáp: Thưa, tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hỏi: Bà và ông Nguyễn Vĩnh T tiến đến hôn nhân năm nào?

Đáp: Tôi và ông Nguyễn Vĩnh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2012 tại UBND thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

Hỏi: Quá trình vợ chồng bà chung sống với nhau như thế nào?

Đáp: Sau khi cưới vợ chồng sống cùng cha mẹ ông T được 01 năm thì vợ chồng ra sống riêng cũng ở tại Khu phố x, thị trấn P, huyện N. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra cãi vã, ông T không lo làm ăn, không quan tâm gia đình.

Hỏi: Bà và ông Nguyễn Vĩnh T còn sống chung không?

Đáp: Từ cuối năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau.

Hỏi: Về hôn nhân bà yêu cầu giải quyết thế nào?

Đáp: Nay tình cảm vợ chồng không còn, Tôi đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

Hỏi: Bà và ông Nguyễn Vĩnh T có mấy người con chung?

Đáp: Thưa có 02 người con chung tên Nguyễn Trịnh Bảo C–sinh ngày 20/9/2014 và Nguyễn Trịnh Minh Q–sinh ngày 10/11/2018,

Hỏi: Bà có yêu cầu gì về con chung không?

Đáp: trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, các con sống cùng với bà, ông T không quan tâm đến con và cũng không chu cấp tiền nuôi con. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung

Hỏi: Bà có yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung của vợ chồng không?

Đáp: Tôi không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung, nợ chung.

CTPT công bố biên bản xác minh tại Chính quyền địa phương khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN-nơi ông T và bà M có hộ khẩu thường trú xác nhận: Quá trình ông T, bà M chung sống hay xảy ra cãi vã, vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Ông T hiện không có mặt tại địa phương, nhưng thỉnh thoảng ông T có về nhà cha mẹ ông T tại khu phố x-P ở được 3-4 ngày rồi lại đi tiếp.

CTPT hỏi nguyên đơn có yêu cầu HĐXX hỏi thêm vấn đề gì khác không?

Nguyên đơn không yêu cầu hỏi thêm gì thêm. Không ai hỏi gì thêm.

CTPT tuyên bố kết thúc việc hỏi tại phiên tòa và chuyển sang phần tranh luận.

3. Tranh luận tại phiên tòa:

Bà Trịnh Thị M tranh luận: Tôi và ông T chung sống không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân không qua lại với nhau. Hiện tôi không còn tình cảm gì nữa, tôi yêu cầu được ly hôn. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký phiên tòa luôn tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã thực hiện tổng đạt thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà M được ly hôn với ông T. Về con chung nên giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

V. Nghị án và tuyên án:

HĐXX tuyên án theo bản án gốc đã được HĐXX thông qua tại phòng nghị án.

Phiên tòa kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa

Trương Quen

Dương Thị Xuân Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
PHIÊN TÒA HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH SƠ THẨM**

Vào hồi giờ phút, 14 tháng 7 năm 2023

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN

Mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số sự thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2023.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tham gia tố tụng:

-Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị M** – sinh năm: 1988 (có mặt)

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

II. Những người tiến hành tố tụng:

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Minh.

2. Bà Lê Thị Hường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NINH THUẬN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Bà Trần Thị Ngọc Hương –Kiểm sát viên.

III. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét

xử.

Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử (HĐXX) về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án.

Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự; phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Chủ tọa phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng. Chủ tọa phiên tòa hỏi nguyên đơn có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa không? Nguyên đơn không thay đổi những người tiến hành tố tụng.

Chủ tọa hỏi ý kiến của nguyên đơn về sự vắng mặt của bị đơn. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Chủ tọa hỏi đại diện viện kiểm sát huyện có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn?

Đại diện viện kiểm sát huyện có ý kiến: Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa hôm nay.

Hội đồng xét xử vào nghị án.

Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố quyết định hoãn phiên tòa.

Phiên tòa kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa

Thẩm phán—Chủ tọa phiên tòa

Trương Quen

Dương Thị Xuân Thủy